

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bố trí kinh phí thực hiện chính sách cho học sinh trường phổ thông nội trú và trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Nghị định số 188/2026/NĐ-CP ngày 27/5/2026 của Chính phủ năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 188/2026/NĐ-CP ngày 27/5/2026 của Chính phủ Quy định chính sách cho học sinh trường phổ thông nội trú và trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền;

Căn cứ Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước và chi ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 19/01/2026 của UBND tỉnh quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2026;

Theo đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 6716/STC-QLNS ngày 03/8/2026 và ý kiến thống nhất của Thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giảm nguồn kinh phí thực hiện chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 tại số thứ tự 9 Mục II Phụ biểu số 08.01 kèm theo Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh từ 67.000 triệu đồng xuống 49.706 triệu đồng và điều chỉnh nội dung chi của kinh phí giảm (17.294 triệu đồng) từ “*Kinh phí thực hiện chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025*” thành “*Kinh phí thực hiện chính sách cho học sinh trường phổ thông nội trú và trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền theo Nghị định số 188/2026/NĐ-CP ngày 27/5/2026 của Chính phủ*”.

Điều 2. Bố trí 35.442 triệu đồng để thực hiện chính sách cho học sinh trường phổ thông nội trú và trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền theo Nghị định số 188/2026/NĐ-CP ngày 27/5/2026 của Chính phủ năm 2026 cho các xã: Mô Rai, Rờ Koi, Sa Loong, Dục Nông như Phụ lục kèm theo. Nguồn kinh phí thực hiện:

1. Nguồn cải cách tiền lương của tỉnh năm 2026 là 18.148 triệu đồng.
2. Nguồn kinh phí được điều chỉnh tại Điều 1 Quyết định này là 17.294 triệu đồng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung rà soát, thẩm định, đề xuất UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện chính sách cho học sinh trường phổ thông nội trú và trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền theo Nghị định số 188/2026/NĐ-CP ngày 27/5/2026 của Chính phủ năm 2026 trên địa bàn tỉnh đảm bảo định mức mức và nguồn đúng quy định hiện hành; đồng thời, cấp kinh phí tại Điều 2 Quyết định này cho các xã theo quy định.

3. UBND các xã: Mô Rai, Rờ Koi, Sa Loong, Dục Nông chịu trách nhiệm:

a) Chi trả đảm bảo đúng định mức, đối tượng theo quy định và chịu trách nhiệm về kinh phí chi trả, tuyệt đối không để xảy ra tiêu cực khi thực hiện chính sách.

b) Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích và thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí được cấp để thực hiện chính sách đảm bảo theo quy định hiện hành.

4. Kho bạc nhà nước khu vực XV chịu trách nhiệm kiểm soát chi, thanh toán kinh phí theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XV; Chủ tịch UBND các xã: Mô Rai, Rờ Koi, Sa Loong, Dục Nông và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(KTTH), P.KGVX;
- Công TT-ĐT tỉnh;
- Lưu: VT, P.KTTHTiền.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Tâm

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /8/2026 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Địa phương	Số tiền
Tổng cộng		35.442
1	Xã Mô Rai	6.806
2	Xã Dục Nông	11.153
3	Xã Rờ Kơi	9.069
4	Xã Sa Loong	8.414